



# tesa<sup>®</sup> 4972

## Thông tin Sản phẩm



Băng keo có lớp nền film hai mặt trong suốt dày 48 $\mu$ m

### Product Description

tesa<sup>®</sup> 4972 là băng keo kết dính trong suốt hai mặt bao gồm lớp nền PET và keo acrylic cải tiến  
tesa<sup>®</sup> 4972 có tính năng đặc biệt:

- Độ dày: 48 $\mu$ m
- Độ bám dính cao
- Sức kháng tốt đối với các yêu cầu về điều kiện môi trường
- Rất tiện lợi cho công đoạn cắt

### Đặc trưng

- Thickness: 48 $\mu$ m
- High adhesion level
- Excellent resistance to demanding environmental conditions
- Excellent handling performance in converting processes

### Ứng dụng

- Gắn linh kiện kim loại và nhựa
- Cố định tấm phản xạ vào khung LCD
- Nối film nhựa mỏng

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

- |            |                  |           |            |
|------------|------------------|-----------|------------|
| • Backing  | Film PET         | • Độ dày  | 48 $\mu$ m |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu sắc | trong suốt |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                             |         |                                 |         |
|-----------------------------|---------|---------------------------------|---------|
| • Độ giãn dài tới đứt       | 50 %    | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | tốt     |
| • Lực kéo căng              | 20 N/cm | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C | tốt     |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn  | 100 °C  | • Khả năng chống lão hóa (UV)   | tốt     |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 200 °C  | • Khả năng chống ẩm             | rất tốt |
| • Kháng chất làm mềm        | tốt     | • Độ dính ban đầu               | rất tốt |
| • Kháng hóa chất            | tốt     |                                 |         |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=04972>



# tesa<sup>®</sup> 4972

## Thông tin Sản phẩm

### Độ bám dính

• ABS (ban đầu)	5.3 N/cm	• PET (sau 14 ngày)	7 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	6.5 N/cm	• PP (ban đầu)	3 N/cm
• nhôm (ban đầu)	5.2 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	4.8 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	7.7 N/cm	• PS (ban đầu)	5.4 N/cm
• PC (ban đầu)	6.5 N/cm	• PS (sau 14 ngày)	7.1 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	8.6 N/cm	• PVC (ban đầu)	5.7 N/cm
• PE (ban đầu)	3.1 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	9.4 N/cm
• PE (sau 14 ngày)	3.5 N/cm	• thép (ban đầu)	7 N/cm
• PET (ban đầu)	5.3 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	9.6 N/cm

### Thông tin thêm

Các loại lớp lót:

PV20 giấy glassine nâu/logo màu xanh (71 $\mu$ m; 82g/m<sup>2</sup>)

PV 43 giấy trắng/ giấy phủ PE logo xanh (122 $\mu$ m; 120g/m<sup>2</sup>)

### Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=04972>